

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/HNGĐ – ST
Ngày 08 - 3- 2022
“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoàn và bà Nguyễn Thị Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Phú Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2021/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về ly hôn; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1992, “có mặt”

Địa chỉ: Thôn Y, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn: Anh Đào Xuân T, sinh năm 1992, “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn Y, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 7 năm 2021 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đào Xuân T đăng ký kết hôn ngày 21/3/2016, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; trước khi kết hôn anh, chị được tự do tìm hiểu, khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới anh chị chung sống cùng với gia đình anh T tại thôn Y, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống thời gian đầu cũng chỉ hòa thuận, không có hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày. Đến tháng 7 năm 2020, mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã về

nhà bố mẹ đẻ chị ở và vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đào Xuân T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị chưa có con chung.

Về con riêng: Chị và anh T không ai có con riêng.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đào Xuân T: Sau khi tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập hợp lệ đối với anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 25 tháng 01 năm 2022, anh T trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị P về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Nay chị P làm đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh hoàn toàn đồng ý ly hôn chị P.

Về nuôi con chung: Anh và chị P chưa có con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng, quá trình giải quyết vụ án anh T chưa chấp hành đúng các qui định của pháp luật; chị P đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Đào Xuân T; về án phí chị P phải nộp theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn anh Đào Xuân T, do đó đây là vụ án ly hôn. Bị đơn anh Đào Xuân T đang cư trú tại Thôn Y, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y. Bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng mặc dù bị đơn là anh T đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P

khởi kiện nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của chị P, anh T và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc thể hiện chị P và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B ngày 21 tháng 3 năm 2016, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau nên phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn lớn nhất từ cuối năm 2020. Trong những lần làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa chị P đều khẳng định tình cảm vợ chồng với anh T không còn, việc đoàn tụ là không thể, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Xét, cuộc sống chung giữa chị P và anh T không thể tiếp tục vì anh, chị xảy ra mâu thuẫn đã lâu, hiện tại đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, điều đó thể hiện anh, chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó cần giải quyết cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Đào Xuân T.

[3] Về nuôi con chung: Chị P và anh T không có con chung.

[4] Về tài sản: Chị P, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị P phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Đào Xuân T.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001016 ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y; chị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã B;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Tám

Trần Thị Bích Nguyệt

Trần Thị Lan

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBNDTT Y;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

.0

- .
- .
- .
- .
- .
- .
- .
- .
- .
- .
- .
- .

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

.....

•

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

•

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

•
•
•
•
•
.....
.....
.....

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Lan

